

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 609, 612, 613, 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 18/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm Đ, thôn T, xã DH, huyện GL, Thành phố Hà Nội

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ (tức Nguyễn Mạnh Đ) sinh năm 1957

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1958 (vợ ông Đ)

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953

Đều có địa chỉ: Xóm ND, thôn PT, xã NT, huyện TL, tỉnh Hưng Yên

Các con, cháu cụ Nguyễn Ngọc Tr gồm:

- Bà Nguyễn Thị Minh K sinh năm 1942, địa chỉ: Tổ 10, thôn VC, xã SH, huyện DK, tỉnh Khánh Hòa

- Bà Nguyễn Bích Ng sinh năm 1944, địa chỉ: Phòng 1005, khu C, Khu đô thị DV, quận CG, Thành phố Hà Nội

- Bà Nguyễn Thị Kim Th sinh năm 1946, địa chỉ: Số 34, ĐB, quận B, Thành phố Hà Nội

- Bà Nguyễn Thị X1 sinh năm 1948 (đã chết ngày 28/02/2006), có chồng là Nông Ích L và 04 con là Nông Thị Bạch T, Nông Thị M, Nông Thị H, Nông Thị Hương M

- Bà Nguyễn Thị X2, sinh năm 1950; Địa chỉ: P1008, CT9C, Đô thị VH, phường ĐG, quận LB, Thành phố Hà Nội
- Bà Nguyễn Thị Thu T sinh năm 1957, địa chỉ: Xóm Đ, thôn T, xã DH, huyện GL, Thành phố Hà Nội
- Ông Nguyễn Thanh A sinh năm 1962, địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn H, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên
- Ông Nguyễn Ngọc B sinh năm 1965, địa chỉ: Tổ 11, phường HS, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên
- Ông Nguyễn Hải S sinh năm 1968, địa chỉ: Phòng 214, nhà 42A, ngõ 164, phố H, phường Q, quận HBT, Thành phố Hà Nội

Các con, cháu cụ Nguyễn Thị Ng (tức Lê Thị Ng, S) gồm:

- Bà Nguyễn Thị Minh P sinh năm 1942 (đã chết ngày 15/12/2015) có chồng là Đặng Đình Gi sinh năm 1938, sinh được 03 người con là Đặng Thị Thu L sinh năm 1964, Đặng Thị Th sinh năm 1966, Đặng Hồng H sinh năm 1977
- Ông Nguyễn Ngọc H sinh năm 1944 (đã chết ngày 13/10/2013) có vợ là Tô Th sinh năm 1948, sinh được 02 người con là Nguyễn Diệu T sinh năm 1972, Nguyễn Diệu Th sinh năm 1974

Các con cụ Nguyễn Ngọc B gồm:

- Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1946, địa chỉ: phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;
- Bà Nguyễn Thị Thanh Ph, sinh năm 1951, địa chỉ: Tổ 5, phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên;
- Bà Nguyễn Thúy L, sinh năm 1955; địa chỉ: Số nhà 68, Tổ 16, phường T, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên;
- Ông Nguyễn Chiến Th, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ 21, phường PĐP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Các con, cháu cụ Nguyễn Ngọc Th gồm:

- Ông Nguyễn Văn B sinh năm 1959 (đã chết ngày 21/3/2022), có vợ là Nguyễn Thị D sinh năm 1966 và 02 con là Nguyễn Thị Ng sinh năm 1988 và Nguyễn Văn Q sinh năm 1991
- Ông Nguyễn Ngọc A sinh năm 1962
- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện hợp pháp cho các con, cháu cụ Tr cụ S, cụ B, cụ Th: Ông Nguyễn Anh T là người đại diện theo uỷ quyền.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Anh T, ông Nguyễn Văn Đ, các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất xác định phần diện tích đất theo số liệu đo vẽ thực tế là 619,1m² cùng ngõ đi diện tích 39,1m², trên đất có ngôi nhà 05 gian nhưng bị giặc Pháp đốt phá còn lại móng tại thửa số 54 (tức thửa số 128) tờ bản đồ số 35 tại Xóm ND, thôn PT, xã NT, huyện TL, tỉnh Hưng Yên có nguồn gốc của ông cha để lại. Ông nội của ông T là kỵ Nguyễn Văn V có hai vợ, vợ cả là cụ Phạm Thị C sinh ra được một

mình cụ Nguyễn Văn Q. Vợ hai là cụ Nguyễn Thị L sinh ra được 04 người con là Nguyễn Ngọc Tr, Nguyễn Thị Ng (tức S), Nguyễn Ngọc B, Nguyễn Ngọc Th. Các kỵ C, L đã chết từ lâu, kỵ V chết ngày 29/3/1967. Cụ Nguyễn Văn Q lấy cụ Tạ Thị M sinh ra được bà Nguyễn Thị L. Năm 1954 cụ Q chết, cụ M có con riêng với người khác sinh ra ông Nguyễn Văn Đ năm 1957 (còn có tên gọi khác là Nguyễn Mạnh Đ). Cụ M chết năm 1987, cụ Tr chết năm 2015, cụ S chết năm 2009, cụ B chết năm 2008, cụ Th chết năm 1993 đều không để lại di chúc. Do cụ Nguyễn Văn Q là con trưởng mất sớm nên kỵ V đã giao quyền trưởng nam cho cụ Nguyễn Ngọc Tr là con thứ.

Năm 1995 vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ bà Trịnh Thị H đã xây được ngôi nhà 02 gian trên nền móng nhà cũ các cụ để lại. Ngày 17/11/1996 cụ Nguyễn Ngọc Tr, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L và một số thành viên trong họ đã thống nhất lập “Biên bản giải quyết thổ cư, Lai lịch thổ cư” phân chia đất, cụ thể mảnh đất từ móng tường nhà thờ đến giáp tường nhà ông Công dùng vào việc thờ cúng, không được quyền nhượng bán, giao cho ông Đ quản lý thờ cúng giỗ Tết tuần rằm mừng một, tu sửa trông nom mồ mả. Mảnh đất từ móng tường nhà thờ đến bờ rào đất bà Sam hiện nay ông Đ được thừa kế sử dụng vì là phần đất của cụ Nguyễn Văn Q để lại.

Nay các đương sự thống nhất tự nguyện thỏa thuận phân chia đất đai, tài sản thừa kế như sau:

2.1. Ông Nguyễn Văn Đ được quyền quản lý sử dụng hai gian nhà đã xây cùng toàn bộ phần móng nhà cũ của các cụ để lại và phần đất phía sau nhà, phía trước tính từ tường móng nhà trở ra ông Đ được sử dụng 01m đất nữa. Tổng diện tích đất ông Đ quản lý sử dụng là 241,7m² trị giá thành tiền là 507.570.000đ, trên đất có ngôi nhà cấp bốn diện tích 37,7m² trị giá 15.117.700đ, móng nhà diện tích 41,9m² trị giá 5.405.100đ, 01 giếng khơi trị giá 1.496.000đ.

2.2. Toàn bộ phần đất còn lại diện tích 377,4m² trị giá 792.540.000đ, trên đất có 01 sân lát gạch chỉ đỏ trị giá 867.000đ thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Nguyễn Anh T và các đồng thừa kế để dùng vào việc thờ cúng chung, không được nhượng bán. Các đồng thừa kế tự nguyện nhường lại phần được hưởng cho ông Nguyễn Anh T quản lý đứng tên toàn bộ diện tích đất và có trách nhiệm trông nom thờ cúng chung. Ông Nguyễn Văn Đ không còn liên quan đến phần đất dùng vào việc thờ cúng chung. Ông T, ông Đ có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định.

2.3. Các cây cối trên đất các bên không tranh chấp, phân chia vào phần đất của ai người đó được hưởng. Phần đất diện tích ngõ 39,1m² và 02 cánh cổng làm bằng lưới B40 khung thép là ngõ đi chung của cả hai bên (*Có sơ đồ phân chia cụ thể kèm theo và là một phần không thể tách rời của quyết định*).

2.4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho nguyên đơn ông Nguyễn Anh T, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ vì là người cao tuổi.

2.5. Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn ông Nguyễn Anh T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí cho việc đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (đã thực hiện xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự
- VKSND huyện Tiên Lữ
- Chi cục THADS huyện Tiên Lữ
- UBND xã NT
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đoàn Mạnh Quang